



Phật Học Vấn Đáp

Ban Hoàng Pháp

Đôi lời bạch

Trong buổi họp bàn về Đặc San Hương Đạo, khi bàn đến phần nội dung của tờ báo, có nêu ra mục: “Phật học vấn đáp”. Mục này quý vị đề nghị giao cho Ban Hoàng Pháp (BHP) GHPGVNTN Victoria phụ trách. Nhận thấy, phần đề nghị này rất hữu ích và rất thích hợp trong vai trò hoàng pháp, nên BHP hứa nhận. Tuy nhiên, Phật Pháp nghĩa lý rất sâu rộng vô lượng vô biên, so với khả năng hiểu biết nông cạn của chúng tôi, thì thật chẳng khác nào như ếch ngồi đáy giếng. Vì thế, nên trong mục Phật Học Vấn Đáp này, đa phần là chúng tôi chỉ y cứ vào các Kinh Luật Luận của chư Phật Tổ chỉ dạy, cũng như lược lặt những điều giảng giải của các bậc Tôn Đức hay của các hàng học giả trí thức để hầu giải đáp những thắc mắc của quý độc giả Phật tử. Trong khuôn khổ trang báo có hạn, tất nhiên, chúng tôi không thể nào giải đáp một cách trọn vẹn đầy đủ hết ý nghĩa được. Kính mong chư Tôn liệt vị thứ lỗi và chỉ giáo bổ túc cho những điều sai sót. Ban Hoàng Pháp Xin chân thành ghi nhận và hết lòng tri ân, đa tạ.

Ban Hoàng Pháp

Hỏi: *Danh xưng Quán Thế Âm Bồ Tát và Quán Tự Tại Bồ Tát là một vị Bồ Tát hay hai vị Bồ Tát khác nhau?*

Đáp: Chỉ là một vị Bồ Tát Quán Thế Âm chứ không phải hai. Sở dĩ có tên gọi khác nhau như thế, là vì đứng trên hai phương diện mà nói. Gọi Quán Thế Âm là đứng về mặt tu nhân. Vì Bồ Tát Quán Thế Âm khi còn ở địa vị tu nhân, thì Ngài dùng nhĩ căn để tu, gọi là: “Phản văn văn tự tánh”, có nghĩa là Ngài nghe lại tánh nghe của chính mình. Thông thường chúng ta khi nghe tiếng là chạy theo tiếng, phân biệt tiếng hay tiếng dở v.v... Ít có ai nghe lại tánh nghe của mình. Tiếng thì lúc có lúc không, còn tánh nghe thì thường hằng không bao giờ vắng mặt với mình. Nhưng khổ nỗi là tất cả chúng ta đều nhận ở nơi tiếng mà quên mất tánh nghe thường hằng. Do đó, trong Kinh Lăng Nghiêm Phật quở là: “Quên mình theo vật.” Ngược Lại, Bồ Tát Quán Thế Âm nhờ ứng dụng tu

đúng phương pháp Phật dạy: Phản văn văn tự tánh mà Ngài chứng được Nhĩ căn viên thông, hoàn toàn làm chủ chính mình không còn lệ thuộc ở nơi sắc thính... tới lui tự tại vô ngại, bấy giờ gọi Ngài là Quán Tự Tại. Như vậy, danh xưng Quán Tự Tại là đứng về phương diện quả vị mà nói.

Hỏi: Về sự truyền thừa Tổ vị, bên Thiên tông thì ai cũng biết, nghĩa là có sự truyền thừa hãn hoi. Ngược lại, bên Tịnh Độ Tông, thì đâu có sự truyền thừa như thế. Thế thì tại sao gọi các Ngài là Tổ?

Đáp: Đúng vậy. Bên Tịnh độ không có sự Tổ Tổ tương truyền như bên Thiên tông, nhưng các Ngài sở dĩ được tôn xưng là Tổ, bởi có nhiều lý do. Tiêu biểu như bốn lý do sau đây mà chúng tôi thấy trong phần Dẫn Nhập nói về Liên Tông Thập Tam Tổ của cố Hòa Thượng Thích Thiên Tâm có nêu ra như sau: “Sở dĩ chư Tổ Liên Tông được tôn xưng các Ngài là

Tổ, bởi do các vị Tăng Tục tu môn niệm Phật đời sau họp lại chọn lựa ra những vị siêu xuất mà suy tôn lên”.

Sự siêu xuất đó được biểu lộ qua bốn quan điểm chính yếu sau đây:

1- Về Phần Kiến Thức:

- Phải là các bậc thông hiểu thâm sâu cả Tông lẫn Giáo.

- Giải ngộ Phật Pháp đến mức Thượng Thừa.

2- Về Phần Đạo Hạnh:

- Phải giữ giới phẩm tinh nghiêm, hoàn toàn thanh tịnh.

- Tu hành tinh tấn.

- Lâm chung hiện rõ thối tướng vắng sanh.

3- Về Phần Hoàng Hóa:

- Phải có công lao lớn trong việc tuyên dương pháp môn Tịnh độ.

- Hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng.

- Khuyến dắt, dẫn đạo đến ngàn muôn người niệm Phật.

4- Về Phần Trước Tác Phiên Dịch:

- Phải có trước tác (biên soạn) tối thiểu từ ba bộ sách khuyến dạy hoặc hoàng tuyên Tịnh độ trở lên.

- Phải có khả năng phiên dịch và chú sớ Kinh điển đến mức Thượng Thừa.

Bốn điều kiện này phải hoàn toàn đầy đủ hết mới được suy tôn lên hàng Tổ sư Tịnh độ.

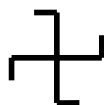
Hỏi: Giữa Chánh Niệm và Vô Tâm khác nhau như thế nào?

Đáp: Giữa Chánh niệm và vô tâm khác nhau ở điểm căn bản là: Chánh niệm là một trong Bát chánh đạo, nó thuộc về hệ giáo lý Phật Giáo Nguyên thủy. Chánh niệm có nghĩa là ghi nhớ những điều hay, lẽ phải, những điều lợi lạc cho mình cho người, những đạo lý chân chính quý trọng cao siêu. Nói rõ ra chữ chánh niệm này ta có thể hiểu là làm việc gì ta nhớ đến việc đó. Tất nhiên là ta phải chăm chú vào việc ta làm, không để tâm nhớ nghĩ đến chuyện khác. Còn Vô Tâm là thuộc về Thiên tông. Thiên tông nói Vô tâm, không có nghĩa là không có tâm gì cả, như cây đá, mà vô tâm ở đây có nghĩa là không có tâm chấp trước vào các sự vật. Nói cách khác là không dấy khởi vọng niệm phân biệt ở nơi tiền trần. Tâm thể phải luôn luôn vắng lặng. Ngược lại, chánh niệm còn có dấy tâm khởi nghĩ vào những động tác hay việc làm. Vì thế, chánh niệm và vô tâm không thể giống nhau. Vô tâm chỉ tương đồng với chánh định. Vì chánh niệm chưa phải là chặng cuối cùng, mà chánh định mới là chặng cuối cùng của Bát chánh đạo.

Hỏi: Tại sao trước ngực của tượng Phật Thích Ca có hình chữ Vạn? Và ý nghĩa của chữ vạn như thế

nào? Và không hiểu lý do tại sao hình chữ Vạn có khi có chiều xoay bên phải, có khi có chiều xoay bên trái?

Đáp: Chữ vạn là một trong 32 tướng tốt của Đức Phật. Đây là biểu thị cái công đức của Phật. Sở dĩ nó ứng hiện ở nơi ngực của Phật là để nói lên cái ý nghĩa vẹn toàn giác ngộ của Phật. Ở chính giữa ngực là tượng trưng cho lý Trung Đạo, không kẹt hai bên, vượt ngoài đối đãi. Về ý nghĩa của nó, theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang giải thích, thì nó có nghĩa là cát tường hải vân hay cát tường hỷ toàn. Còn về chiều xoay bên phải, bên trái



không đồng nhứt, thì cũng theo Từ Điển Phật Học Huệ Quang giải thích như sau:

“Hình chữ Vạn nay vốn là dấu hiệu biểu thị sự tốt lành ở Ấn Độ thời xưa. Ngoài Ấn Độ thì Ba Tư, Hy Lạp đều có phù hiệu này, thông thường được xem là tượng trưng cho mặt trời, ánh chớp, lửa, nước chảy. Ở Ấn Độ thời xưa, Phật giáo, Bà La Môn giáo, Kỳ na giáo, đều sử dụng chữ này. Đầu tiên, người Ấn Độ cho rằng phù hiệu này là sợi lông xoắn ở ngực của Phạm thiên, Tỳ thấp nô (Phạn: Visnu), cát lật sắt noa (Phạn: Krsna) và thông thường coi đây là dấu hiệu của sự tốt lành, thanh tịnh, tròn đầy. Trong Phật giáo, chữ Vạn (chiều trên xoay về bên trái) là tướng tốt lành ở trước ngực của Phật và hàng Bồ tát Thập Địa, về sau dần dần trở thành dấu hiệu đại biểu cho Phật giáo.

Xưa nay có nhiều thuyết về Hán dịch chữ Cưu Ma La Thập và Huyền Trang dịch là chữ “Đức”, Ngài Bồ Đề Lưu Chi thì dịch là chữ Vạn, biểu thị ý nghĩa công đức tràn

đầy. Còn trong Tống Cao Tăng Truyện 3 thì cho rằng nếu chữ Vạn

(chiều trên xoay về bên trái) mà dịch là vạn thì chẳng phải dịch ý mà là dịch âm. Nhưng âm của chữ Srivatsalaksana ban đầu không được đưa vào Kinh truyện, đến năm 639 thời Võ Tắc Thiên mới đặt ra chữ này, đọc là vạn và cho rằng chữ này có ý nghĩa là nơi nhóm họp của muôn điều tốt lành. Nhưng chữ Vạn (chiều trên bên trái) vốn là một ký hiệu chứ chẳng phải là một chữ. Sở dĩ xưa nay đọc liền là vạn tự một mặt là do tập quán, chủ yếu nhất là do lầm lẫn khi dịch từ tiếng Phạn sang Hán. Vì chữ Phạn Laksana, dịch âm là Lạc sát nẳng, nghĩa là tướng; mặt khác chữ Phạn Aksara dịch âm là Ác sát la, nghĩa là Tự. Có lẽ 2 âm Laksana và Aksara gần giống nhau cho nên ý nghĩa của chúng bị lẫn lộn. Nói theo đây thì chữ Vạn (chiều trên bên trái) tự nên đọc là tướng, (vạn tướng) mới phù hợp với nghĩa gốc của chữ Phạn.

Từ xưa, chữ Vạn đã có 2 trường hợp xoay về bên tả và xoay về bên hữu khác nhau. Đối với Ấn Độ giáo, phần nhiều dùng chữ vạn (chiều xoay về bên trái) để biểu thị cho nam tánh thần và chữ vạn (có chiều xoay về bên phải) để biểu thị cho nữ tánh thần. Đối với Phật giáo, có ngôi tháp cổ hiện còn ở vườn Lộc Dã, chữ trên tháp toàn là chữ Vạn, (có chiều xoay về phía phải) ngôi tháp này là vật kiến trúc thời vua A Dục, được xây dựng để kỷ niệm nơi ngày xưa Đức Phật đã nhập định.

Tại Tây Tạng, tín đồ Lạt Ma Giáo thường dùng chữ Vạn (có chiều xoay về phía bên trái) tín đồ Bồng giáo thì dùng chữ Vạn (cũng xoay về phía trái). Tại Trung Quốc, qua nhiều đời đều dùng cả 2 cách. Huệ Lâm Âm Nghĩa và Cao Ly Đại Tạng Kinh đều chủ trương chữ Vạn

(chiều xoay về phía trái), Nhật Bản Đại Tang Kinh cũng mô phỏng theo và sử dụng chữ Vạn (chiều xoay về phía phải), nhưng 3 bản Tang Kinh đời Tống, Nguyên, Minh, đều dùng chữ Vạn (chiều xoay về phía phải), sự phân chia chữ xoay về bên tả và bên hữu chủ yếu là do nơi lập trường khác nhau. Trong Kinh có nhiều chỗ nói “xoay về bên hữu”, sợi lông trắng giữa 2 đầu chân mày cũng uyển chuyển xoay về bên hữu, lại như khi lễ kính Phật, Bồ tát cũng phải đi nhiều về bên hữu, cho nên từ ngữ “xoay về bên hữu” đã thành luận thuyết nhất định, nhưng rốt cuộc thì chữ Vạn là xoay về bên phải hay là xoay về bên trái vẫn còn là đầu mối gây ra sự tranh luận. Nếu đặt chữ Vạn ở phía trước chúng ta, nhìn chữ Vạn từ chỗ đứng của chúng ta thì xoay về bên hữu sẽ thành chữ Vạn (chiều xoay về bên hữu);

nhưng nếu nói theo bản thân của chữ thì chữ Vạn (chiều xoay về bên phải) là phù hợp với phương hướng xoay về bên hữu.

Hỏi: Xin cho biết 12 loại chúng sinh hay cô hồn gồm có những loại nào?

Đáp: Mười hai loại cô hồn gồm có:

- 1- Lụy triều đế chúa (các vua chết vì phản loạn, tai nạn đổ đời)
- 2- Quan tướng vương triều và Oai tướng phản thần.
- 3- Bá quận danh thần.
- 4- Bạch ốc thư sinh.
- 5- Xuất trần thượng sĩ (tức là hàng tu sĩ chỉ nói suông lời Phật dạy, không thực hành pháp và còn bị vướng mắc một cái gì đó).
- 6- Huyền môn đạo sĩ.

7- Thương gia lữ khách và kẻ buôn tảo bán tần.

8- Chiến sĩ trận vong.

9- Sản phụ bất hạnh (lúc thai sản mất cả mẹ lẫn con).

10- Khuyết tật thiếu tu.

11- Cung phi mỹ nữ và hạng buôn hương bán phấn.

12- Tù nhân tử tội.

Ngoài ra, còn phải kể đến kẻ chìm sông lạc suối, kẻ nằm cầu gối đất, kẻ cơ bản khát cái và kẻ gieo giếng thối dây... (Theo quyển sách “Cốt Tủy Giáo Lý Phật”, Bốn tiến trình đi tới Hạ Thủ Công Phu của tác giả Tâm Tịnh, trong phần Thay Lời Tựa Viết Cho Một Người Khách Đường Xa). ☸

Xuân Giác Ngộ

Thảo Phạm



Xuân nay về giữa Ta Bà
Cây ươm chồi mới, đơm hoa nụ cười
Nắng mai sưởi ấm tình người
Hân hoan buổi sớm theo... lời chuông ngân.

Viếng chùa mông một ngày Xuân
Mong tâm thanh tịnh, thể nhân an bình
Tòa cao, Phật hảo tướng minh
Cha hiền trầm lặng thương nhìn chúng sinh.

Đắm chìm, mang nghiệp điều linh
Năm qua tháng lại bình minh, hôn hoàng
Nào phiền, hư tưởng trần gian
Luyên lưu, vương vấn đa mang nặng lòng.

Ngày đêm, trăng vẫn vẹn tròn
Đông, Xuân, Thu, Hạ tên giòng... thời gian
Vị lai quá khứ từ khan
Do điều phân biệt, chúc ngàn khổ đau.

Vào ra đời thoảng vó câu
Thiết tha hoàng tập, đạo mâu ý sâu
Niết-bàn Tịnh-độ xa đâu
Liên hoa thất-bảo tươi màu muôn Xuân.